

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09** /2022/DS-ST
Ngày: 15 - 4 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng
2. Bà Hoàng Thị Thu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký TAND huyện Yên Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 15/4/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2021/TLST-DS ngày 20/8/2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST – DS ngày 20/02/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trịnh Thị M**, sinh năm: 1969.(Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Thạc Quả, xã Yên Trường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Bà **Trịnh Thị H**, sinh năm: 1989.(Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Thạc Quả, xã Yên Trường, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/8/2021, bản tự khai ngày 31/8/2021 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Trịnh Thị M trình bày:

Bà và chị Trịnh Thị H là người cùng thôn quen biết nhau. Vào đầu tháng 6 năm 2016, chị H có vay của bà 200.000.000đ. Hai bên thỏa thuận cho vay số tiền trên trong vòng 6 tháng, lãi suất vay 1%/tháng. Khi viết giấy vay chị H tự viết cho bà, khi xem giấy bà không thấy ghi lãi suất và thời gian trả nợ. Bà có hỏi thì chị H nói: “Chị yên tâm em trả lãi cho chị”. Vì vậy bà cầm giấy và giao tiền cho chị H.

Được thời gian sau thì bà không thấy chị H trả tiền lãi, bà hỏi thì chị H trả lãi cho bà được 4 tháng lãi là 8.000.000đ, sau đó cứ khát mãi nên bà đòi tiền gốc. Bà đòi nợ từ năm 2017 đến nay mà chị H vẫn chưa trả cho bà đồng nào. Bà đòi rất

nhều lần nhưng chị H cứ khát hết tháng này đến tháng khác, đến nay chưa trả cho bà. Vì vậy, bà làm đơn này đề nghị TAND huyện Yên Định xem xét giải quyết cho bà buộc chị H phải trả nợ cho bà cụ thể như sau: Tiền gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); Tiền lãi là 116.000.000đ.(từ ngày 06/11/2016 cho đến ngày 06/08/2021 là 58 tháng, lãi suất 1%/tháng). Tổng cả gốc và lãi là 316.000.000đ (Ba trăm mười sáu triệu đồng).

- *Tại bản tự khai ngày 18/3/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Trịnh Thị H trình bày:*

Ngày 16/06/2016 chị có vay của bà M số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng chẵn). Chị đã trả lãi cho bà M hàng tháng nhưng đến đầu năm 2017 do làm ăn khó khăn, nên chị vẫn chưa có tiền để trả gốc cho bà M được. Nay bà M làm đơn yêu cầu chị trả số nợ gốc và lãi, do hiện tại chị không có điều kiện trả ngay cho bà M được, nên chị xin được trả dần hoặc lúc nào có chị xin trả đầy đủ nợ gốc cho bà, còn số tiền lãi chị xin.

Tại phiên tòa: Chị H vắng mặt, bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị HĐXX buộc riêng chị H phải trả nợ gốc 200.000.000đ. Tiền lãi tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 10%/ năm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, HĐXX và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung: Căn cứ Điều 463, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019. Khoản 3 Điều 26, 147, 246 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 26 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị H phải trả nợ gốc và lãi cho bà M cụ thể: Nợ gốc 200.000.000đ. Số tiền nợ lãi từ ngày 01/01/2017 đến ngày 15/4/2022 theo lãi suất 10%/năm là: 63 tháng 15 ngày x 200.000.000đ x 10%/năm = 105.791.000đ. Tổng gốc và lãi là 305.791.000đ.

Về án phí: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về tố tụng:

1.1. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án tranh chấp về Hợp

đồng vay tài sản là đúng quy định về thẩm quyền xét xử, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. *Về sự vắng mặt của bị đơn:* Chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị H là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} Về nội dung:

2.1. Về số tiền nợ gốc 200.000.000đ:

Bà Trịnh Thị M khẳng định vào ngày 06/6/2016 bà có cho chị H 200.000.000đ, giấy vay tiền do chị H viết. Chị H thừa nhận việc vay số tiền 200.000.000đ của bà M là đúng. Như vậy, việc vay tiền đã được phía bị đơn thừa nhận nên sự kiện không phải chứng minh. Do đó, bà M khởi kiện yêu cầu chị H phải trả nợ là có căn cứ. Từ khi vay đến nay chị H chưa trả tiền gốc nên cần buộc chị H phải trả cho bà M số tiền đã vay là 200.000.000đ.

2.2. *Về lãi suất:* Khi vay hai bên thỏa thuận 1%/tháng, tại phiên tòa bà M yêu cầu tính lãi suất 10%/ năm. Mức lãi trên phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Chị H thừa nhận đã trả tiền lãi cho bà M hết năm 2016, từ đầu năm 2017 đến nay chị H chưa trả và chị muốn xin tiền lãi. Bà M không chấp nhận cho chị H tiền lãi. Do đó, buộc chị H phải trả tiền lãi cho bà M từ tháng 1.2017 đến ngày xét xử (15/4/2022) là 63 tháng 15 ngày.

Số tiền lãi được tính như sau:

$200.000.000đ \times 10\% / \text{năm} (0,833\% / \text{tháng}) \times 63 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 105.791.000đ.$

Tổng gốc và lãi là: $200.000.000đ + 105.791.000đ = 305.791.000đ$ (Ba trăm linh năm triệu, bảy trăm chín một nghìn đồng)

2.3. *Về án phí:* Yêu cầu của bà M được chấp nhận, nên không phải chịu tiền án phí. chị H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như sau: $305.791.000đ \times 5\% = 15.289.550đ.$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019. Khoản 2 Điều 26 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và danh mục mức án phí ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị M.

Buộc chị Trịnh Thị H phải thanh toán nợ cho bà Trịnh Thị M, số tiền nợ gốc là 200.000.000đ, tiền lãi 105.791.000đ.

Tổng gốc và lãi là: $200.000.000đ + 105.791.000đ = 305.791.000đ$ (*Ba trăm linh năm triệu, bảy trăm chín một nghìn đồng*)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, chị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Chị H phải chịu 15.289.550đ. (*Mười lăm triệu, hai trăm tám chín nghìn, năm trăm năm mươi đồng.*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Trịnh Thị M số tạm ứng án phí 7.900.000đồng (*Bảy triệu, chín trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2019/0005538 ngày 20/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định.

Về quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho bà M trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Trịnh Thị H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Định;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS Yên Định;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Thắng